

Số: **05** /2018/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **25** tháng **01** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/2/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp tính giá chung đối với hàng hóa dịch vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe đạp điện, xe máy điện, xe gắn máy, xe mô tô và xe ô tô các loại trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền ở địa phương cấp phép trông giữ xe và được thu giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Người sử dụng xe đạp, xe đạp điện, xe máy điện, xe gắn máy, xe mô tô và xe ô tô các loại có nhu cầu trông giữ.

Điều 3. Quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

1. Mức giá dịch vụ trông giữ xe (trừ các điểm, bãi giữ xe của cơ sở giáo dục và cơ sở y tế) cụ thể như sau:

TT	Phương tiện	Giá cụ thể (đồng/xe/lượt)	Giá tối đa (đồng/xe/lượt)
1	Giá dịch vụ theo lượt ban ngày:		
-	Xe đạp, xe đạp điện	1.000	2.000
-	Xe máy điện, xe gắn máy, xe mô tô	2.000	3.000
-	Xe ô tô dưới 16 chỗ, xe tải dưới 05 tấn	10.000	15.000
-	Xe ô tô từ 16 chỗ trở lên, xe tải từ 05 tấn trở lên	15.000	20.000
2	Giá dịch vụ giữ xe theo lượt ban đêm		
-	Xe đạp, xe đạp điện	2.000	3.000
-	Xe máy điện, xe gắn máy, xe mô tô	3.000	5.000
-	Xe ô tô dưới 16 chỗ, xe tải dưới 05 tấn	15.000	20.000
-	Xe ô tô từ 16 chỗ trở lên, xe tải từ 05 tấn trở lên	20.000	25.000
3	Giá giữ xe cả ngày và đêm		
-	Xe đạp, xe đạp điện	3.000	4.000
-	Xe máy điện, xe gắn máy, xe mô tô	5.000	8.000
-	Xe ô tô dưới 16 chỗ, xe tải dưới 05 tấn	25.000	35.000
-	Xe ô tô từ 16 chỗ trở lên, xe tải từ 05 tấn trở lên	35.000	45.000
4	Giá giữ xe hàng tháng		
-	Xe đạp, xe đạp điện	30.000	60.000
-	Xe máy điện, xe gắn máy, xe mô tô	60.000	90.000
-	Xe ô tô dưới 16 chỗ, xe tải dưới 05 tấn	300.000	450.000
-	Xe ô tô từ 16 chỗ trở lên, xe tải từ 05 tấn trở lên	450.000	600.000

2. Giá trông giữ xe tại các điểm, bãi trông giữ xe ở các cơ sở giáo dục và cơ sở y tế cụ thể như sau:

TT	Phương tiện	Giá cụ thể (đồng/xe/lượt)	Giá tối đa (đồng/xe/lượt)
1	Giá dịch vụ theo lượt ban ngày hoặc ban đêm:		
-	Xe đạp, xe đạp điện	1.000	2.000
-	Xe máy điện, xe gắn máy, xe mô tô	2.000	3.000
-	Xe ô tô dưới 16 chỗ	10.000	15.000
-	Xe ô tô từ 16 chỗ trở lên	15.000	20.000
2	Giá giữ xe cả ngày và đêm		
-	Xe đạp, xe đạp điện	2.000	3.000
-	Xe máy điện, xe gắn máy, xe mô tô	4.000	6.000
-	Xe ô tô dưới 16 chỗ	20.000	30.000
-	Xe ô tô từ 16 chỗ trở lên	30.000	40.000
3	Giá giữ xe hàng tháng		
-	Xe đạp, xe đạp điện	25.000	35.000
-	Xe máy điện, xe gắn máy, xe mô tô	50.000	75.000
-	Xe ô tô dưới 16 chỗ	250.000	375.000
-	Xe ô tô từ 16 chỗ trở lên	375.000	410.000

- Giá dịch vụ trông giữ xe trên là giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- Giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước áp dụng mức giá cụ thể.
- Giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước áp dụng không vượt quá mức giá đối đa.
- Một lượt xe là 01 lần xe vào và ra ở điểm giữ xe.
- Thời gian trông giữ xe ban ngày: từ 6 giờ đến 22 giờ; Thời gian trông giữ xe ban đêm: từ 22 giờ đến trước 6 giờ ngày hôm sau.
- Riêng giá dịch vụ trông giữ xe tại các bến xe thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15/10/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Điều 4. Chế độ quản lý, sử dụng tiền thu từ dịch vụ trông giữ xe

1. Đối với các đơn vị được tổ chức theo loại hình doanh nghiệp, các hộ kinh doanh: số tiền thu từ dịch vụ trông giữ xe được tính là doanh thu của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ về thuế với nhà nước theo các quy định hiện hành.

2. Đối với các đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ tài chính: số tiền thu từ dịch vụ trông giữ xe là một nguồn thu tài chính của đơn vị được sử dụng theo quy định của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản liên quan.

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ trông giữ xe phải thực hiện nghiêm yết giá dịch vụ trông giữ xe tại địa điểm thu về mức giá và thực hiện thu theo giá niêm yết; thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước về thuế, về tiền sử dụng mặt bằng theo quy định (nếu có); thực hiện quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ, chế độ kế toán, tài chính theo quy định của pháp luật; theo cơ chế tự chủ tài chính (đối với đơn vị sự nghiệp công lập).


2. Cục Thuế tỉnh hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ trông giữ xe sử dụng hóa đơn, chứng từ (vé trông giữ xe) theo đúng quy định, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế và các pháp luật có liên quan.

3. Sở Công Thương hướng dẫn các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ trông giữ xe thực hiện niêm yết giá theo đúng quy định và phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc thực hiện thu giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn theo quy định.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10/02/2018

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Công Thương; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các ngành, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Tài chính (B/c);
- TT/HĐND tỉnh (B/c);
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Trung tâm Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, TM.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**


Nguyễn Đức Chính